

Bản án số: 95/2024/HC-PT

Ngày: 28-3-2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Tự

Các Thẩm phán:

Ông Võ Ngọc Thông

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 337/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Dương Thị B; cư trú tại: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh N - Chủ tịch.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện: Ông Tôn Kỳ H - Chủ tịch.

2. Bà Đào Thị Q;

3. Anh Hà Huy K;

4. Chị Hà Thị T;
5. Chị Hà Thị Thúy S;
6. Bà Hà Thị L;
7. Ông Hà Văn C;
8. Ông Hà Văn S1;
9. Ông Hà Văn D;
10. Ông Hà Văn T1;

Cùng trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

11. Ông Hà Minh Đ; cư trú tại: Xóm B, thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

12. Bà Hà Thị G; cư trú tại: Tổ F, khu V, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

13. Bà Hà Thị Ú; cư trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người kháng cáo: người khởi kiện bà Dương Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Dương Thị B trình bày:

Bà canh tác thửa đất số 242, tờ bản đồ số 15 tại xã P, huyện T (viết tắt là thửa đất số 242) từ trước năm 1993; khi đó xã đội tiến hành bốc thăm, bà bốc thăm trúng đám ruộng tại thửa đất trên, sau đó xã đội ra chỉ làm và bà làm cho đến nay. Từ trước đến nay, thửa đất số 242 có tên tục danh là đám ruộng bà B. Bên cạnh đó, bà còn đầu thầu làm một đám ruộng khác bên cạnh.

Gia đình bà cũng được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (viết tắt là Nghị định số 64). Do không hiểu biết nên bà cứ nghĩ Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN) đối với thửa đất số 242 cho bà. Cho đến khi thửa đất số 242 trúng mở đường năm 2021, khoảng tháng 11/2021, khi Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (viết tắt là UBND xã P) kêu bà kê khai tài sản bị ảnh hưởng thu hồi thì bà mới biết được đám ruộng trên đã được cấp GCN cho hộ gia đình ông Hà Văn B1. Sau đó, gia đình ông B1 được kêu kê khai ruộng và hiện nay đã nhận tiền hay chưa bà không biết.

Bà xác định là bà biết việc ông B1 được Ủy ban nhân dân huyện T (viết tắt là UBND huyện T) cấp GCN đối với thửa đất số 242, diện tích 1.324,6m² là vào tháng 11/2021. Sau đó, bà có làm đơn kiến nghị gửi đến UBND xã P, UBND huyện T và Ủy ban nhân dân tỉnh B (viết tắt là UBND tỉnh B) về việc cấp nhầm đám ruộng nhưng không cơ quan nào giải quyết. UBND xã P đã tiến hành hoà giải nhưng gia đình ông B1 không có mặt, đến lần thứ hai mới có mặt.

Ngoài ra, bà cũng trình bày thêm là từ trước đến nay, gia đình ông B1 canh tác tại một đám ruộng khác. Sau này, bà mới được biết là đám ruộng gia đình ông B1 đang canh tác đã được cấp GCN cho bà.

Từ trước đến nay, gia đình bà và gia đình ông B1 canh tác trên 2 đám ruộng ổn định, không có tranh chấp. Cho đến khi thửa đất số 242 trúng bồi thường, bà đã ngừng canh tác cho đến nay.

Bà thống nhất với sơ đồ bản vẽ khi Hội đồng bồi thường đo đạc và bảng kiểm kê trong Dự án tuyến đường kết nối C - D và không yêu cầu Toà án xem xét, thẩm định tại chỗ.

Bà khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ GCN do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hà Văn B1 tại thửa đất số 242, diện tích 1.324,6m² vì đã cấp nhầm cho hộ ông B1.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Huỳnh N – Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

Thửa đất số 242, diện tích 1.324,6m², loại đất 2 lúa, theo hồ sơ địa chính năm 2013 (đo đạc theo Dự án Vlap) do hộ ông Hà Văn B1 và bà Đào Thị Q kê khai; theo hồ sơ địa chính năm 1993 (Sổ mục kê) thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 9 (viết tắt là thửa đất số 581), diện tích 1.130m², loại đất 2 lúa, do ông Hà Văn B1 kê khai.

Năm 2009, UBND huyện T triển khai Dự án hoàn thiện và hiện đại hoá hệ thống quản lý đất đai (gọi tắt là Dự án V) về đo đạc, xác lập hồ sơ địa chính và lồng ghép cấp GCN. Để triển khai việc cấp GCN cho nhân dân trên địa bàn huyện, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 về việc ban hành kế hoạch triển khai Dự án Vlap trên địa bàn huyện T (viết tắt là Quyết định số 499).

Việc cấp GCN cho hộ ông Hà Văn B1 và bà Đào Thị Q được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 99 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đaitất là Nghị định số 181); Nghị định số 84/2007/NĐ-CP25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCN, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai (viết tắt là Nghị định số 84); Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15/6/2007 của Bộ T2 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84 (viết tắt là Thông tư số 06); Quyết định số 499.

Từ trước đến nay, UBND huyện T không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, khiếu kiện của cá nhân, tổ chức nào có liên quan đến việc tranh chấp GCN đối với thửa đất số 242, diện tích 1.324,6m².

Thực hiện Dự án tuyến đường kết nối C - D, thửa đất số 242 bị ảnh hưởng thu hồi diện tích 703,6m², số tiền bồi thường 244.622.000 đồng, hộ ông Hà Văn B1 đã nhận số tiền trên và giao trả mặt bằng ngày 16/02/2023.

GCN do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hà Văn B1 tại thửa đất số 242, diện tích 1.324,6m² là đúng quy định. Do đó, UBND huyện T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu Toà án huỷ GCN trên.

Ngoài ra, UBND huyện T không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Tôn Kỳ H - Chủ tịch UBND xã P bày:

Tại thời điểm giao quyền (Bản đồ năm 1993), hộ ông Hà Văn B1 được cân đối giao quyền 04 nhân khẩu, gồm các thửa đất sau:

- Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 475m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 800m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 581, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 1.130m², loại đất lúa.

Các thành viên của hộ ông B1 tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị định số 64 gồm có: Hà Văn B1, sinh năm 1968; Đào Thị Q, sinh năm 1971; Hà Huy K, sinh năm 1991 và Hà Thị T, sinh năm 1992.

Tại thời điểm giao quyền (Bản đồ năm 1993), hộ ông Hà P (chết) và vợ Dương Thị B được cân đối giao quyền 05 nhân khẩu, gồm các thửa đất sau:

- Thửa đất số 307, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 640m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 310, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 736m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 586, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 960m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 588, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 1.039m², loại đất lúa (viết tắt là thửa đất số 588).

Các thành viên của hộ ông Hà P (chết) và vợ Dương Thị B tại thời điểm cân đối giao quyền theo Nghị định số 64 gồm có: Hà P, sinh năm 1927; Dương Thị B, sinh năm 1937; Hà Văn D, sinh năm 1957; Hà Thị Ú, sinh năm 1976 và Hà Minh Đ, sinh năm 1979.

Năm 2010, khi đo đạc thành lập Bản đồ địa chính (Dự án VLAP), hộ ông Hà Văn B1 kê khai sử dụng các thửa sau:

- Thửa đất số 712, tờ bản đồ số 8, diện tích thửa đất 598,4m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 881,9m², loại đất lúa.

- Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 1.324,6m², loại đất lúa.

Năm 2010, khi đo đạc thành lập Bản đồ địa chính (Dự án VLAP), bà Dương Thị B kê khai (ông Hà P chết) kê khai sử dụng các thửa sau:

- Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 716m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 792, tờ bản đồ số 8, diện tích thửa đất 712,2m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 238, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 973,2m², loại đất lúa.

- Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 1.036,5m², loại đất lúa (viết tắt là thửa đất số 236).

Việc cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị định số 64 tại xã P được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/11/2022, Tổ hòa giải tranh chấp đất đai xã P đã tiến hành hòa giải tranh chấp đất lúa giữa bà Dương Thị B và bà Đào Thị Q (vợ ông Hà Văn B1), kết quả không thành.

Ý kiến của U: Năm 1993, hộ ông Hà Văn B1 và ông Hà P (chết), vợ bà Dương Thị B đã được GCN năm 1993 và được cấp đổi GCN theo Dự án V. Vị trí và ranh giới giữa các thửa ruộng liền kề năm 1993 và các thửa ruộng liền kề theo Dự án Vlap 2010 không có sự khai khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B, U đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Ngoài ra, U không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị Q, anh Hà Huy K và chị Hà Thị T thống nhất trình bày:

Ông Hà Văn B1 chết năm 2014. Ông B1 có vợ là Đào Thị Q và có 03 con là Hà Duy K1, Hà Thị T, Hà Thị Thúy S.

Bà Đào Thị Q, anh Hà Huy K và chị Hà Thị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu Tòa án hủy GCN do UBND huyện T cấp cho ông Hà Văn B1 tại thửa đất số 242, diện tích 1.324,6m² vì việc cấp GCN là do Nhà nước thực hiện, gia đình ông B1 không biết. Khi thực hiện dự án mở đường, thửa đất trên bị ảnh hưởng thu hồi và gia đình đã nhận số tiền bồi thường hơn 260.000.000 đồng.

Bà Đào Thị Q, anh Hà Huy K và chị Hà Thị T xác định là từ trước đến nay, bà B là người canh tác đám ruộng trên. Gia đình ông B1 canh tác đám ruộng khác nằm phía dưới và sau này mới biết được là Nhà nước đã cấp GCN cho bà B. Từ trước đến nay, gia đình ông B1 và gia đình bà B canh tác trên hai đám ruộng ổn định, không ai tranh chấp. Cho đến khi trúng bồi thường, biết đám ruộng của mình đang canh tác là của bà B, gia đình ông B1 đã ngừng canh tác cho đến nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Hà Thị L, Hà Văn C, Hà Văn S1, Hà Văn T1, Hà Minh Đ, Hà Thị G và Hà Thị Ú thống nhất trình bày:

Các ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày của bà Dương Thị B. Ngoài ra, không ai có yêu cầu độc lập hoặc trình bày nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 10/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCN, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 15/6/2007 của Bộ T2 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04727 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định cấp ngày 10/02/2012 cho hộ ông Hà Văn B1 và bà Đào Thị Q đối với thửa đất số 242, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.324,6m² tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 02/10/2023, bà Dương Thị B nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hà Văn B1 tại thửa đất số 242, diện tích 1.324,6m² và cho rằng bà canh tác trên đúng thửa ruộng nhưng không được bồi thường làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Dương Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị B về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho hộ ông Hà Văn B1 tại thửa đất số 242, diện tích 1.324,6m², giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tranh chấp giữa bà B và bà Đào Thị Q về tiền bồi thường có thể được giải quyết ở vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thực hiện Nghị định số 64-CP, ngày 16/02/1994 ông Hà Văn B1 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau (theo bản đồ năm 1993):

- Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 475m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 800m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 581, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 1.130m², loại đất lúa.

Năm 2010, khi đo đạc lập bản đồ địa chính (Dự án VLAP), hộ ông Hà Văn B1 kê khai sử dụng các thửa sau:

- Thửa đất số 712, tờ bản đồ số 8, diện tích thửa đất 598,4m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 881,9m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 1.324,6m², loại đất lúa.

[2] Thửa đất số 581, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 1.130m² của bản đồ năm 1993 chuyển thành thửa đất số 242, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 1.324,6m² của bản đồ địa chính năm 2010.

[3] Thực hiện Nghị định số 64-CP, ngày 16/02/1994 ông Hà P làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau (theo bản đồ năm 1993):

- Thửa đất số 307, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 640m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 310, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 736m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 586, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 960m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 588, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 1.039m², loại đất lúa.

Năm 2010, khi đo đạc lập bản đồ địa chính (Dự án VLAP), bà Dương Thị B (ông Hà P chết) kê khai sử dụng các thửa sau:

- Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 716m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 792, tờ bản đồ số 8, diện tích thửa đất 712,2m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 238, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 973,2m², loại đất lúa.
- Thửa đất số 236, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 1.036,5m², loại đất lúa.

[4] Thửa đất số 588, tờ bản đồ số 9, diện tích thửa đất 1.039m² của bản đồ năm 1993 chuyển thành thửa đất số 236, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 1.036,5m² của bản đồ địa chính năm 2010.

[5] Ngày 10/02/2012, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 750450, sổ vào sổ CH04727 cho hộ ông Hà Văn B1 và bà Đào Thị Q theo chủ trương thực hiện cấp lại, cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ tọa độ quốc gia (Bản đồ VN-2000) đối với thửa đất số 242, tờ bản đồ số 15, diện tích thửa đất 1.324,6m².

[6] Theo đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất của ông Hà P và ông Hà Văn B1 (hai người là cha con ruột) thì ông Hà P đăng ký thửa đất số 588 (nay là thửa đất số 236) và ông Hà Văn B1 đăng ký thửa đất số 581 (nay là thửa đất số 242), cả hai thửa đất đều thuộc xứ Miêu, nằm chung trên một tờ bản đồ, nằm cách nhau 05 thửa ruộng. Theo Sổ địa chính, ông Hà P là chủ sử dụng thửa đất số 588 (nay là thửa đất số 236), Hà Văn B1 là chủ sử dụng thửa đất số 581 (nay là thửa đất số 242)

[7] UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 750450, sổ vào sổ CH04727 cho hộ ông Hà Văn B1 và bà Đào Thị Q đối với thửa đất số 242 (trước đây là thửa đất 581) là có căn cứ, phù hợp với đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất và hồ sơ địa chính.

[8] Tuy nhiên, về thực tế sử dụng đất bà B và vợ con ông B1 đều xác định trước khi thửa đất số 242 bị ảnh hưởng thu hồi một phần trong Dự án tuyến đường kết nối C - D thì bà B canh tác tại thửa đất số 242 và gia đình ông B1 canh tác tại thửa đất số 236.

[9] Tại đơn kháng cáo, bà B xác định hộ gia đình bốc thăm trúng 04 đám ruộng trong đó có “đám Khoai lang” diện tích 1036m². Theo Sổ địa chính, “đám Khoai lang” diện tích 1036m² chính là thửa đất số 588 (nay là thửa đất số 236), hiện do hộ gia đình ông B1 đang canh tác. Như vậy, hộ gia đình bà B và gia đình ông B1 canh tác nhầm lẫn trên hai đám ruộng, hộ gia đình bà B bốc thăm trúng thửa đất số 588 (nay là thửa đất số 236) và làm đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với thửa đất số 588 (nay là thửa đất số 236) nhưng lại canh tác trên thửa đất số 581 (nay là thửa đất số 242).

[10] Do đó, bà B cho rằng UBND huyện T đã cấp nhầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông B1 đối với thửa đất số 242 là không có căn cứ.

[11] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 750450, sổ vào sổ CH04727 cấp ngày 10/02/2012 cho hộ ông Hà Văn B1 và bà Đào Thị Q là có cơ sở, nên không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Tranh chấp về quyền được nhận tiền bồi thường do thu hồi một phần thửa đất số 242, bà B có thể khởi kiện bà Đào Thị Q ở vụ án dân sự khác.

[13] Bà B là người cao tuổi được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của bà Dương Thị B;

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Án phí phúc thẩm:

Bà Dương Thị B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự